

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 08: từ ngày 06/10/2025 đến ngày 12/10/2025

THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
LỚP						
K10-VDTY	Sáng					
K11-VDTY		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4	KTTG (Nga) 4	CD và ĐTH thú y (Vân) 4
P.E201	Chiều	Vi sinh vật học TY (Duyên) 3				
K9-KTDN	Sáng					
P.E305	Chiều	Luật kinh tế (Huyền) 3				
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1	Anh văn CN (Phiên) 4			Quản trị VP (Thuý) 4
K11-KTDN		Kỹ năng mềm (Dung) 4				
P.E305	Chiều	Luật kinh tế (Huyền) 3		Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1	Sáng					
P.B301		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình) 3				
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1	Đất và phân bón (Hương) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	GD chính trị (Quế) 2	Giống cây trồng (Huyền) 4
P.B201		Tin học (Thoa) 4			Pháp luật (Huyền) 2	
	Chiều					
TT65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Sinh lý TV (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	GD chính trị (Quế) (P.B201) 2	Đất và phân bón (Hương) 4
P.B301		Tin học (Thoa) 4			Pháp luật (Huyền) (P.B201) 2	
	Chiều	<i>Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1</i>				
CN64A1	Sáng					
P.E204		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1	Kỹ sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4
	Chiều	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3				
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4
P.B202		Dược lý thú y (Lệ) 4				
	Chiều					
CN65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	GD chính trị (Quế) 2
P.B203		KTTG (Nga) 4				GDTC (Hội) 2
	Chiều					

CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Quế) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					
LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Tin học (Thoa) 4	An toàn lao động (Hùng) 4		GD chính trị (Quế) (P.B201) 2 Pháp luật (Huyền) (P.B201) 2	Đo đạc (Tuyết) 4
	Chiều		Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1			
KTDN64A1 P.B101	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1 KTNS xã phường (Hoa) 3	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	Thống kê doanh nghiệp (Thuý) 4	Thuế (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4
KTDN64A2 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Thống kê DN (Thuý) 3	Kế toán DN 2 (Dung) 4	Thuế (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Lý thuyết KT (Q.Mai) 2	Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Quế) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GDTC (Hợi) 2	Lý thuyết KT (Q.Mai) 4
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1 Lý thuyết KT (P.Thảo) 4	Kỹ năng mềm (Son) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	GD chính trị (Thắm) 2 Lý thuyết KT (P.Thảo) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Quang) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 4
	Chiều					
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1 Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3	XD phần mềm QL BH (Hà) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCS DL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 QTCS DL với Access (Phương) 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCS DL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	XD phần mềm QL BH (Hà) 4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1 Kỹ năng mềm (Son) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Thuý) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Tin học (Hà) 4
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GDTC (Hà) 2	Tin học (Phương) 4	Kỹ năng mềm (Son) 2 Tiếng anh (Linh) 2	Tin học (Phương) 4
	Chiều					
ĐCN64A1 P.E103	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> 1 Cung cấp điện (Tuấn) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Trang bị điện (Nga) 4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Cung cấp điện (Tuấn) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4

	Sáng										
ĐCN64A3 P.E102		Sinh hoạt lớp (Hoà)	1	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4
	Chiều	Trang bị điện (Nga)	3								
ĐCN 64B	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền)	1	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)	1	Mạch điện (Huyền)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Tin học (Hà)	4	Tiếng anh (Phiên)	2
		Tin học (Hà)	4							Pháp luật (Nga)	2
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến)	1	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Tin học (Phương)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
		Vật liệu điện (N.Đức)	4								
ĐCN65B1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huân)	1	GD chính trị (Quế)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	GDTC (Quang)	4	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	4
		Vật liệu điện (Huân)	4								
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương)	1	Tin học (Phương)	4	An toàn điện (Hòa)	4	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	4	Tiếng anh (Linh)	4
		Mạch điện (Dương)	4								
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga)	1	Tin học (Trường)	4			An toàn điện (Hòa)	4	Mạch điện (Huyền)	4
		Tiếng anh (K.Nhung)	4								
TL64	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức)	1	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4
TL65	Sáng	Sinh hoạt lớp (N.Đức)	1	GD chính trị (Quế)	4	Vật liệu (N.Đức)	4	GDTC (Quang)	4	Kỹ thuật ATLĐ (Hoà)	4
		Cơ kỹ thuật (Huyền)	4								
KTDN64B	Sáng										
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai)	1	KTNS xã phường (T.Thảo)	4	Thống kê DN (Dung)	4	Thống kê DN (Dung)	4	KTNS xã phường (T.Thảo)	4
KTDN65B	Sáng	Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	1	GD chính trị (Quế)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4	GDTC (Quang)	4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4
		Lý thuyết KT (T.Thảo)	4								
	Chiều										

CBBQ64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Quản lý chất lượng TS (Liên) 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	Quản lý chất lượng TS (Liên) 4	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	
CBBQ65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Vi sinh vật TP (Liên) 4	GD chính trị (Quế) 4	Hoá sinh học TP (Năm) 4	GDTC (Quang) 4	Hoá sinh học TP (Năm) 4	
	Chiều						
KTMTT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 VHCB HDL chính D. TT (Đông) 3	Luật hàng hải (Trung) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	Luật hàng hải (Trung) 4	VHCB HDL chính D. TT (Đông) 4	
KTMTT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	GD chính trị (Quế) 4		GDTC (Quang) 4	Cơ kỹ thuật (Đông) 4	
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Sản xuất giống tôm sú (Ảnh) 3	Sản xuất giống tôm sú (Ảnh) 4	Sản xuất giống tôm sú (Ảnh) 4	Sản xuất giống tôm sú (Ảnh) 4	Sản xuất giống tôm sú (Ảnh) 4	
DKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ảnh) 1 Vẽ kỹ thuật (Trung) 4	GD chính trị (Quế) 4		GDTC (Quang) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Bệnh cây CK (Hương) 4	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Cây công nghiệp (Thọ) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4
	Chiều	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây dược liệu (Bình) 4	Cây rau (Huệ) 4
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng	Cây lương thực (Bình) (P. B204) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4
	Chiều	Hoá BVTV (Hương) (P.B303) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng	Dược lý thú y (Duyên) (P.B205) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) 1 VSV - TN (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Quyên) (P.B302) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên) 4

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHO-HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 06/10/2025 đến ngày 12/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1	Vật lý (Dịu) 2	Địa lý (Thuý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	Vật lý (Dịu) 2	Hóa học (Doan) 2
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Lan Anh) 2	Sinh học (Phượng) 2	Địa lý (Phượng) 2
		Hóa học (Hà) 3	Địa lý (Phượng) 2	Hóa học (Hà) 2	Toán (Lan Anh) 2	GDKT và PL (Quế) 2
VH63B4 P.B303	Sáng		Hóa học (Vân) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Hóa học (Vân) 2
			Địa lý (Duyên) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Duyên) 1	Địa lý (Duyên) 2	Hóa học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Lý) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Hoà) 1				
		HĐTN (Nga) 1	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Lịch sử (Lý) 2
VH63B8 P.B306	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2	Hóa học (Vân) 2	Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Nga) 2
		HĐTN (K.Nhung) 1	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Địa lý (Duyên) 2	Toán (Quý) 2
VH64B1	Sáng	Toán (Quý) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hường) 2
		GDKT và PL (Thuý) 2	Hóa học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	Địa lý (Thuý) 2	Vật lý (Dịu) 2	Địa lý (Thuý) 2		Lịch sử (Hà) 2
			Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thuý) 4	GDKT và PL (Quyên) 2
VH64B4 P.E201	Sáng		Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2		Toán (Dương) 2
		HĐTN (H.Nga) 1	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Địa lý (Nga) 2	Hóa học (Hà) 2
		Địa lý (Nga) 3	Lịch sử (Hằng) 2		GDKT và PL (Thắm) 2	Vật lý (Trung) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà) Lịch sử (Hàng)	1 3	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Hàng)	2 2	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Toán (Dương) Địa lý (Phương)	2 2
VH64B6 P. B101	Sáng	HĐTN (H. Hà) Địa lý (Duyên)	1 3	Sinh học (Phượng) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Hàng) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Quý) Địa lý (Duyên)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Lịch sử (Dự)	2 2	Địa lý (Phương) Toán (Lan Anh)	2 2	Toán (Lan Anh) Sinh học (Phượng)	2 2	GDKT và PL (Tài) Sinh học (Phượng)	2 2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) Toán (Hương)	1 3	Địa lý (Thuý) Ngữ văn (Hàng)	2 2	Hoá học (Doan)	4	Vật lý (Dịu) Ngữ văn (Hàng)	2 2	Toán (Hương) GDKT và PL (Thuý)	2 2
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên) Ngữ văn (H.Hà) Toán (Dương)	1 2 1	Ngữ văn (H.Hà) Lịch sử (Dự)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thuý)	2 2	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thuý)	2 2
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý) Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	1 2 1	Địa lý (Phương) Hoá học (Vân)	2 2	Toán (Quý) Vật lý (Dịu)	2 2	Ngữ văn (Lý) Hoá học (Vân)	2 2	Ngữ văn (Lý) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B4 P.E304	Chiều	HĐTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga) Hoá học (Vân)	1 2 1	Toán (Quý) Vật lý (Trung)	2 2	Địa lý (Thuý) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Hương) Toán (Dương) GDKT và PL (Nga)	1 2 1	Toán (Dương) Ngữ văn (Hà)	2 2	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Địa lý (Duyên)	2 2	Địa lý (Duyên) Vật lý (Dịu)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) Sinh học (Phượng) Vật lý (Trung)	1 1 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phương) Vật lý (Trung)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Nhưng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phương)	2 2	Vật lý (Trung) Lịch sử (Nhưng)	2 2	GDKT và PL (Nga) Toán (Lan Anh)	2 2
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (Hường)	1 1 2	Địa lý (Duyên) Lịch sử (Hàng)	2 2	Lịch sử (Hàng) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Duyên) Ngữ văn (Hường)	2 2	Toán (Lan Anh) Sinh học (Phượng)	2 2

VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Lịch sử (Hằng) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phương) Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Địa lý (Phương) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2
VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Dự)	1 1 2	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Toán (Dương) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Vật lý (Hoà) Ngữ văn (Lý)	2 2	Địa lý (Thủy) Ngữ văn (Lý)	2 2
VH65B11 P.E101	Chiều	HĐTN (Quế) Lịch sử (Hằng)	1 3	Ngữ văn (Hà) GDKT và PL (Quế)	2 2	Hóa học (Vân) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Nga) GDKT và PL (Quế)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THANH HÓA

Đoàn Văn Lưu

Đoàn Văn Lưu